

Số: **920** /QĐ-ĐHTCM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **06** tháng 04 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc cấp học bổng khuyến khích học tập kỳ 3 năm 2022 cho sinh viên
khóa 19D trình độ đại học hình thức chính quy**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING

Căn cứ Quyết định số 1138/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Tài chính – Hải quan vào Trường Đại học Tài chính – Marketing;

Căn cứ Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc Ban hành Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy;

Căn cứ Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 692/QĐ-ĐHTCM ngày 10 tháng 3 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing về việc ban hành Quy định về chế độ chính sách đối với sinh viên hình thức chính quy của Trường;

Căn cứ Quyết định số 245/QĐ-ĐHTCM ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing quy định mức học phí các chương trình, các khóa và các hệ đào tạo năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 104/QĐ-ĐHTCM, ngày 16 tháng 01 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Marketing về việc cấp tổng quỹ và chỉ tiêu học bổng khuyến khích học tập kỳ 3 năm 2022 cho sinh viên hình thức chính quy;

Căn cứ kết quả học tập và rèn luyện kỳ 3 năm 2022 của sinh viên khóa 19D và Thông báo số 518/TB-ĐHTCM ngày 22 tháng 3 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing về kết luận của Chủ tịch hội đồng tại cuộc họp xét học bổng khuyến khích học tập kỳ 3 năm 2022 cho sinh viên khóa 19D trình độ đại học hình thức chính quy;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp học bổng khuyến khích học tập kỳ 3 năm 2022 cho **309 sinh viên** khóa 19D trình độ đại học hình thức chính quy với tổng số tiền là: **1.731.678.000đ** (Bằng chữ: Một tỷ bảy trăm ba mươi một triệu sáu trăm bảy mươi tám ngàn đồng chẵn).

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Căn cứ danh sách sinh viên và mức tiền học bổng khuyến khích học tập đã được quy định tại Điều 1, Phòng Kế hoạch – Tài chính chịu trách nhiệm chi trả tiền học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên. Các Khoa quản lý sinh viên, Viện Đào tạo quốc tế chịu trách nhiệm trao giấy khen của Nhà trường cho sinh viên.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông (bà) trưởng các Khoa: Công nghệ Thông tin, Du lịch, Kế toán – Kiểm toán, Kinh tế – Luật, Marketing, Ngoại ngữ, Quản trị kinh doanh, Tài chính – Ngân hàng, Thẩm định giá – Kinh doanh bất động sản, Thuế – Hải quan, Thương mại; Viện Đào tạo quốc tế; Đoàn thanh niên; các Phòng: Công tác sinh viên, Kế hoạch – Tài chính, Thanh tra giáo dục, Quản lý đào tạo, Khảo thí – Quản lý chất lượng và các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *u*

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để biết);
- Như Điều 3;
- Website Trường;
- Lưu: VT, KHTC, CTSV. *u*



PGS. TS. Phạm Tiến Đạt

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Kèm theo Quyết định số 920 /QĐ-ĐHTCM ngày 06 / 4 /2023)

[illegible]

STT	KHOA/ KHÓA HỌC	NGÀNH	CHỈ TIÊU KỶ 1 (1)	SỐ SINH VIÊN ĐẠT HỌC BỔNG THỰC TẾ						CHÈNH LỆCH SV NHẬN HB (3)=(1)-(2)	SỐ TIỀN HB (đ)	GHI CHÚ	
				XUẤT SẮC		GIỎI		KHÁ					TỔNG SV (2)
	19D	Ngôn ngữ Anh	13	1	4.440.000	11	4.070.000		3.700.000	14	-1	53.280.000	Đã phân bổ đều
						2	2.035.000						
	Cộng		13	1		13		0		14	-1	53.280.000	
7	KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH												
	19D	Quản trị kinh doanh	31	4	4.440.000	27	4.070.000		3.700.000	31	0	127.650.000	
	CLC_19D	Quản trị kinh doanh	19	2	8.712.000	11	7.986.000	6	7.260.000	19	0	148.830.000	
	Cộng		50	6		38		6		50	0	276.480.000	
8	KHOA TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG												
	19D	Tài chính - Ngân hàng	20	7	4.440.000	13	4.070.000		3.700.000	20	0	83.990.000	
	CLC_19D	Tài chính - Ngân hàng	17	7	8.712.000	10	7.986.000		7.260.000	17	0	140.844.000	
	Cộng		37	14		23		0		37	0	224.834.000	
9	KHOA THẨM ĐỊNH GIÁ - KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN												
	19D	Bất động sản	11	5	4.440.000	6	4.070.000		3.700.000	11	0	46.620.000	
	19D	Tài chính - Ngân hàng	4	1	4.440.000	3	4.070.000		3.700.000	4	0	16.650.000	
	Cộng		15	6		9		0		15	0	63.270.000	
10	KHOA THUẾ - HẢI QUAN												
	19D	Tài chính - Ngân hàng	10	7	4.440.000	3	4.070.000		3.700.000	10	0	43.290.000	
	Cộng		10	7		3		0		10	0	43.290.000	
11	KHOA THƯƠNG MẠI												
	19D	Kinh doanh quốc tế	22	1	4.440.000	14	4.070.000	7	3.700.000	22	0	87.320.000	
	CLC_19D	Kinh doanh quốc tế	22	4	8.712.000	12	7.986.000	6	7.260.000	22	0	174.240.000	
	Cộng		44	5		26		13		44	0	261.560.000	
12	VIỆN ĐÀO TẠO QUỐC TẾ												
	IP_19D	Kinh doanh quốc tế	1		13.200.000	1	12.100.000		11.000.000	1	0	12.100.000	
	IP_19D	Marketing	1		13.200.000	1	12.100.000		11.000.000	1	0	12.100.000	
	IP_19D	Quản trị kinh doanh	1		13.200.000	1	12.100.000		11.000.000	1	0	12.100.000	
	Cộng		3	0		3		0		3	0	36.300.000	
	Tổng cộng		304	90		199		20		309	-5	1.731.678.000	

Một tỷ bảy trăm ba mươi một triệu sáu trăm bảy mươi tám ngàn đồng./.

PHÒNG CÔNG TÁC SINH VIÊN



ThS. Nguyễn Thanh Hải



HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Phạm Tiến Đạt

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Kèm theo Quyết định số **920** /QĐ-ĐHTCM ngày **06/4** /2023)

[illegible]

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	KQ HT	KQ RL	Số TC	Xếp loại	Số Tháng	Mức học bổng 1 tháng	Thành tiền (đ)	Số Tài khoản
1	CHƯƠNG TRÌNH ĐẶC THÙ											
	KHÓA: 19D_Ngành: Quản trị Dịch vụ du lịch và lữ hành_10CT											
1	1921006946	Nguyễn Minh	Khoa	19DSK	3,70	100	8	Xuất sắc	4	1.320.000	5.280.000	31310001387371
2	1921006962	Nguyễn Nhật Mai	Ly	19DLH2	3,69	94	8	Xuất sắc	4	1.320.000	5.280.000	31310001607431
3	1921002880	Nguyễn Trí	Tính	19DLH2	3,58	96	8	Giỏi	4	1.210.000	4.840.000	19036895780011
4	1921006956	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	19DLH1	3,58	94	8	Giỏi	4	1.210.000	4.840.000	31310004183374
5	1921006984	Lê Hà Hoàng	Nhi	19DLH2	3,58	90	8	Giỏi	4	1.210.000	4.840.000	31310001557305
6	1921007019	Lý Hồng	Tiến	19DLH1	3,50	100	11	Giỏi	4	1.210.000	4.840.000	23227237
7	1921006988	Lê Quỳnh	Như	19DSK	3,50	100	8	Giỏi	4	1.210.000	4.840.000	9437927
8	1921006981	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	19DLH2	3,50	97	8	Giỏi	4	1.210.000	4.840.000	9657827
9	1921002872	Cao Thị Thanh	Tuyền	19DSK	3,50	95	8	Giỏi	4	1.210.000	4.840.000	0531002588456
	<i>Chỉ tiêu phân bổ: 10 CT; đến CT thứ 10 có 2 SV có cùng KQHT: 3,50 và KQRL: 94, cùng KQHT thang điểm 10: 8,08, cùng tín chỉ: 8; chia đều 1CT cho 2SV</i>											
10	1921006951	Đoàn Thị	Liên	19DLH2	3,50	94	8	Giỏi	4	605.000	2.420.000	31310001376698
11	1921006971	Đỗ Thị	Ngân	19DLH2	3,50	94	8	Giỏi	4	605.000	2.420.000	1035145224
		Cộng:	11								49.280.000	
	KHÓA: 19D_Ngành: Quản trị khách sạn_Chỉ tiêu: 12CT											
1	1921007337	Lê Thị Thuý	Linh	19DKS03	4,00	94	8	Xuất sắc	4	1.320.000	5.280.000	31310001386208
2	1921003001	Ngô Phương	Nhung	19DKS01	3,81	93	8	Xuất sắc	4	1.320.000	5.280.000	6005205161545
3	1921003038	Bùi Thị Minh	Hậu	19DKS01	3,81	91	8	Xuất sắc	4	1.320.000	5.280.000	31310001385977
4	1921007528	La Nguyễn Thu	Nghi	19DKS02	3,74	93	14	Xuất sắc	4	1.320.000	5.280.000	31310001574535
5	1921002988	Lê Thị Diễm	Mi	19DKS01	3,70	94	8	Xuất sắc	4	1.320.000	5.280.000	31310001385940
6	1921002973	Nguyễn Thị Duy	Tuyên	19DKS01	3,69	92	8	Xuất sắc	4	1.320.000	5.280.000	1024269656
7	1921003006	Nguyễn Thị Mai	Xuân	19DKS01	3,81	84	8	Giỏi	4	1.210.000	4.840.000	68610000219276
8	1921003030	Cao Thị Quế	Anh	19DKS01	3,81	84	8	Giỏi	4	1.210.000	4.840.000	31310001385959
9	1921007279	Lê Thị Minh	Anh	19DKS04	3,81	83	8	Giỏi	4	1.210.000	4.840.000	31310001277542
10	1921003080	Hồ Thị	Hoa	19DKS01	3,70	87	8	Giỏi	4	1.210.000	4.840.000	31310001317758
11	1921003018	Nguyễn Thị	Tâm	19DKS02	3,70	83	8	Giỏi	4	1.210.000	4.840.000	14010001742527

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	KQ HT	KQ RL	Số TC	Xếp loại	Số Tháng	Mức học bổng 1 tháng	Thành tiền (đ)	Số Tài khoản
12	1921003071	Hồ Trương Ngọc	Yến	19DKS01	3,69	82	8	Giỏi	4	1.210.000	4.840.000	0333299109
		Cộng:	12								60.720.000	
	KHÓA: 19D_Ngành: Quản trị Nhà hàng và dịch vụ ăn uống_Chỉ tiêu: 10CT											
1	1921007447	Phạm Hoàng	Anh	19DQN03	3,70	95	8	Xuất sắc	4	1.320.000	5.280.000	31310001271438
2	1921003113	Phạm Thị Hồng	Thắm	19DQN01	3,70	91	8	Xuất sắc	4	1.320.000	5.280.000	9977071764
3	1921007613	Nguyễn Hồ Thúy	Vy	19DQN02	4,00	83	8	Giỏi	4	1.210.000	4.840.000	31310001386730
4	1921003138	Nguyễn Thị Hoàng	Mỹ	19DQN01	3,81	89	8	Giỏi	4	1.210.000	4.840.000	1012407497
5	1921003093	Nguyễn Thị	Kiều	19DQN01	3,81	81	8	Giỏi	4	1.210.000	4.840.000	31310001278156
6	1921007579	Lê Thị Minh	Thư	19DQN02	3,70	89	8	Giỏi	4	1.210.000	4.840.000	57010004398447
7	1921007549	Võ Thị Huỳnh	Nhi	19DQN03	3,70	88	8	Giỏi	4	1.210.000	4.840.000	31910000386845
8	1921003123	Lâm Thị Phương	Dung	19DQN01	3,63	87	8	Giỏi	4	1.210.000	4.840.000	31310001278244
9	1921007619	Phan Thị Kim	Yến	19DQN03	3,58	97	8	Giỏi	4	1.210.000	4.840.000	31310001271924
10	1921007547	Nguyễn Thị Yến	Nhi	19DQN02	3,58	86	8	Giỏi	4	1.210.000	4.840.000	31310001226340
		Cộng:	10								49.280.000	
		Cộng (1):	33								159.280.000	
2	CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO											
	KHÓA: CLC_19D_Chỉ tiêu: 8CT											
1	1921007173	Nguyễn Ý	Nhi	CLC_19DKS02	4,00	96	6	Xuất sắc	4	2.178.000	8.712.000	31310001406610
2	1921007238	Nguyễn Mạnh	Tiến	CLC_19DKS03	4,00	90	6	Xuất sắc	4	2.178.000	8.712.000	31310001426575
3	1921007169	Lê Thanh	Nhi	CLC_19DKS02	4,00	89	6	Giỏi	4	1.996.500	7.986.000	31310001514434
4	1921007137	Cử Mỹ	Linh	CLC_19DKS03	3,70	85	6	Giỏi	4	1.996.500	7.986.000	31310001423965
5	1921007091	Nguyễn Mai	Hân	CLC_19DKS03	3,50	94	6	Giỏi	4	1.996.500	7.986.000	101872910697
6	1921007247	Võ Thu	Trang	CLC_19DKS02	3,50	93	6	Giỏi	4	1.996.500	7.986.000	31310001606571
7	1921007104	Trần Minh	Hiếu	CLC_19DKS03	3,50	87	6	Giỏi	4	1.996.500	7.986.000	31310001431560
	<i>Chỉ tiêu phân bổ: 8 CT; đến CT thứ 8 có 2 SV có cùng KQHT: 3,50 và KQRL: 86, cùng KQHT thang điểm 10: 8,30, cùng tín chỉ: 6; chia đều 1CT cho 2SV</i>											
8	1921002937	Huỳnh Minh	Trung	CLC_19DKS01	3,50	86	6	Giỏi	4	998.250	3.993.000	31310001426557
9	1921007132	Lâm Thị Ngọc	Lan	CLC_19DKS03	3,50	86	6	Giỏi	4	998.250	3.993.000	04208768601

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	KQ HT	KQ RL	Số TC	Xếp loại	Số Tháng	Mức học bổng 1 tháng	Thành tiền (đ)	Số Tài khoản
		Cộng(2):	9								65.340.000	
		Tổng cộng (II):	42	Sinh viên							224.620.000	
III	KHOA KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN											
1	CHƯƠNG TRÌNH CHUẨN											
	KHÓA: 19D_Chỉ tiêu: 13CT											
1	1921004946	Lương Thị Mỹ	Tiên	19DKT1	3,70	100	6	Xuất sắc	4	1.110.000	4.440.000	31310001264544
2	1921004889	Nguyễn Thị Trà	My	19DKT1	3,70	94	6	Xuất sắc	4	1.110.000	4.440.000	101872002419
3	1921004955	Đặng Minh	Trang	19DAC2	4,00	88	6	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	0281000656363
4	1921004892	Tất Hồng	My	19DKT1	3,70	89	6	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	1029359865
5	1921004890	Nguyễn Thúy Huyền	My	19DAC2	3,70	86	6	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	0837806926
6	1921004910	Võ Thị Kim	Phượng	19DKT2	3,70	86	6	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	050107111805
7	1921004911	Lê Bá	Quyên	19DKT1	3,70	86	6	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	105870882353
8	1921004923	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	19DAC2	3,70	86	6	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	31310001226386
9	1921004934	Nguyễn Trang Hoàng	Thi	19DKT1	3,57	87	9	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	060242037750
10	1921004966	Phạm Thị Kim	Tuyến	19DKT2	3,50	97	6	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	688888839
11	1921004842	Vũ Thị Thảo	Dung	19DAC1	3,50	95	6	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	31310001288386
	Chỉ tiêu phân bổ: 13 CT; đến CT thứ 12 có 4 SV có cùng KQHT: 3,50 và KQRL: 94, chọn 2 SV có cùng KQHT thang điểm 10 cao hơn là: 8,20											
12	1921002633	Trần Hạnh	Trang	19DAC2	3,50	94	6	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	0335949330
13	1921004853	Lê Thị Thúy	Hằng	19DKT1	3,50	94	6	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	31310001288474
		Cộng (1):	13								53.650.000	
2	CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO											
	KHÓA: CLC_19D_Chỉ tiêu: 8CT											
1	1921004173	Nguyễn Lê Ngọc	Bích	CLC_19DKT03	3,50	88	6	Giỏi	4	1.996.500	7.986.000	31310001388772
2	1921006560	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	CLC_19DKT01	3,50	86	6	Giỏi	4	1.996.500	7.986.000	102870375402
3	1921006485	Lê Thị Cẩm	Chi	CLC_19DKT03	3,50	85	6	Giỏi	4	1.996.500	7.986.000	060255210342
4	1921006626	Tiêu Thị Tường	Vi	CLC_19DKT02	3,50	85	6	Giỏi	4	1.996.500	7.986.000	0374340574
5	1921002809	Nguyễn Tuấn	Hùng	CLC_19DKT01	3,50	83	6	Giỏi	4	1.996.500	7.986.000	0381000580071

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	KQ HT	KQ RL	Số TC	Xếp loại	Số Tháng	Mức học bổng 1 tháng	Thành tiền (đ)	Số Tài khoản
6	1921002807	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	CLC_19DKT01	3,50	82	6	Giỏi	4	1.996.500	7.986.000	31310001388736
7	1921004921	Ngô Minh	Tài	CLC_19DKT03	3,50	80	6	Giỏi	4	1.996.500	7.986.000	31310001556287
8	1921006596	Vũ Hoàng Vân	Thảo	CLC_19DKT03	3,70	75	6	Khá	4	1.815.000	7.260.000	67010001545818
		Cộng (2):	8								63.162.000	
		Tổng cộng (III):	21	Sinh viên							116.812.000	
IV	KHOA KINH TẾ - LUẬT											
1	KHÓA: 19D											
	KHÓA: 19D_Ngành: Quản trị kinh doanh_Chỉ tiêu: 3CT											
1	1921000346	Đặng Nguyễn Ái	Vy	19DQK	4,00	91	6	Xuất sắc	4	1.110.000	4.440.000	31310001606410
2	1921000373	Nguyễn Ngọc	Xuân	19DQK	3,70	87	6	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	31310001624379
3	1921000327	Võ Văn	Thắm	19DQK	3,25	87	12	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	31310001557217
		Cộng:	3								12.580.000	
	KHÓA: 19D_Ngành: Tài chính - Ngân hàng_Chỉ tiêu: 3CT											
1	1921004765	Tô Thị Kim	Tú	19DQF	4,00	98	6	Xuất sắc	4	1.110.000	4.440.000	31310001556737
2	1921004784	Nguyễn Thị Ngọc	Uyên	19DQF	4,00	91	6	Xuất sắc	4	1.110.000	4.440.000	31310001496842
3	1921004725	Phan Thị Ngọc	Trâm	19DQF	3,70	94	6	Xuất sắc	4	1.110.000	4.440.000	31310001624218
		Cộng:	3								13.320.000	
		Tổng cộng (IV):	6	Sinh viên							25.900.000	
V	KHOA MARKETING											
1	CHƯƠNG TRÌNH CHUẨN											
	KHÓA: 19D_Chỉ tiêu: 20CT											
1	1921001009	Nguyễn Hồ Diễm	Khuong	19DQH2	4,00	94	6	Xuất sắc	4	1.110.000	4.440.000	0671004155045
2	1921001195	Đặng Thị Quế	Anh	19DQH1	4,00	94	6	Xuất sắc	4	1.110.000	4.440.000	104867868052
3	1921001221	Nguyễn Hồng Ngọc	Mỹ	19DMC3	4,00	93	6	Xuất sắc	4	1.110.000	4.440.000	104872657320
4	1921001275	Nguyễn Thị Huyền	Trân	19DQH2	4,00	92	6	Xuất sắc	4	1.110.000	4.440.000	31310001410693
5	1921003872	Nguyễn Hoàng Gia	Hân	19DMA2	4,00	92	6	Xuất sắc	4	1.110.000	4.440.000	31310001352421
6	1921000687	Lê Thị Hà	Mi	19DQH2	4,00	91	6	Xuất sắc	4	1.110.000	4.440.000	31310001296398

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	KQ HT	KQ RL	Số TC	Xếp loại	Số Tháng	Mức học bổng 1 tháng	Thành tiền (đ)	Số Tài khoản
7	1921000821	Nguyễn Như	Quỳnh	19DQH1	4,00	90	6	Xuất sắc	4	1.110.000	4.440.000	04318843601
8	1921000809	Phan Hoài	An	19DMA1	3,70	95	6	Xuất sắc	4	1.110.000	4.440.000	31310001401855
9	1921000908	Trần Thị Nha	Trang	19DQH2	3,70	95	6	Xuất sắc	4	1.110.000	4.440.000	31310001227006
10	1921000741	Bùi Thị Thu	Hậu	19DMC2	3,70	94	6	Xuất sắc	4	1.110.000	4.440.000	31310001296477
11	1921000845	Nguyễn Trọng	Khang	19DMC3	3,70	94	6	Xuất sắc	4	1.110.000	4.440.000	31310001557615
12	1921000994	Châu Tường	Vy	19DQH1	3,70	92	6	Xuất sắc	4	1.110.000	4.440.000	19038009351017
13	1921000952	Phạm Thị Như	Bình	19DMC1	3,70	91	6	Xuất sắc	4	1.110.000	4.440.000	31250147
14	1921000688	Đào Trương Quỳnh	Na	19DQH2	4,00	82	6	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	19036680048016
15	1921000706	Nguyễn Thị Kiều	Lan	19DQH2	4,00	81	6	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	31310001256295
16	1921000862	Nguyễn Vương Minh	Thy	19DQH1	3,70	89	6	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	31310001405811
17	1921000684	Lư Kỳ	Linh	19DMA2	3,70	87	6	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	7702205173477
18	1921000691	Đoàn Thị Kim	Quên	19DMC2	3,70	87	6	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	0881000482992
19	1921000711	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	19DMC2	3,70	87	6	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	31310001256301
	Chi tiêu phân bổ: 20 CT; đến CT thứ 20 có 2 SV có cùng KQHT: 3,70 và KQRL: 86, cùng KQHT thang điểm 10: 8,70, cùng tín chỉ: 6; chia đều 1CT cho 2SV											
20	1921001033	Nguyễn Đức	Thịnh	19DMC3	3,70	86	6	Giỏi	4	508.750	2.035.000	0471000340527
21	1921001263	Trương Thị Thùy	Trang	19DQH1	3,70	86	6	Giỏi	4	508.750	2.035.000	31310001293797
		Cộng (1):	21								86.210.000	
2	CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO											
	KHÓA: CLC_19D_Chỉ tiêu: 31CT											
1	1921005705	Trần Quốc	Tiến	CLC_19DMA06	4,00	96	6	Xuất sắc	4	2.178.000	8.712.000	31310001389012
2	1921005725	Lương Trần Nhật	Trang	CLC_19DMA02	4,00	95	6	Xuất sắc	4	2.178.000	8.712.000	31310001291834
3	1921005420	Nguyễn Mỹ	Hạnh	CLC_19DMA03	4,00	91	6	Xuất sắc	4	2.178.000	8.712.000	31310001557262
4	1921005588	Nguyễn Thị Lan	Nhi	CLC_19DMA04	3,70	96	6	Xuất sắc	4	2.178.000	8.712.000	17910000236001
5	1921001375	Lê Hà	Phương	CLC_19DMA01	3,70	94	6	Xuất sắc	4	2.178.000	8.712.000	31310001388824
6	1921005355	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Anh	CLC_19DMA01	3,70	94	6	Xuất sắc	4	2.178.000	8.712.000	36810000284327
7	1921005567	Đỗ Thị Hạnh	Nguyên	CLC_19DMA10	3,70	93	6	Xuất sắc	4	2.178.000	8.712.000	2606200148
8	1921005380	Đặng Thị Kiều	Chinh	CLC_19DMA03	3,70	92	6	Xuất sắc	4	2.178.000	8.712.000	31310001556490

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	KQ HT	KQ RL	Số TC	Xếp loại	Số Tháng	Mức học bổng 1 tháng	Thành tiền (đ)	Số Tài khoản
9	1921005550	Trần Bảo	Ngân	CLC_19DMA03	3,70	92	6	Xuất sắc	4	2.178.000	8.712.000	18810000340731
10	1921005386	Nguyễn Thị Hồng	Diễm	CLC_19DMA05	3,70	91	6	Xuất sắc	4	2.178.000	8.712.000	31310001265626
11	1921005555	Phạm Như Thảo	Ngọc	CLC_19DMA03	3,70	91	6	Xuất sắc	4	2.178.000	8.712.000	31310004180348
12	1921005750	Nguyễn Minh	Tuấn	CLC_19DMA12	4,00	84	6	Giỏi	4	1.996.500	7.986.000	31310001266568
13	1921005397	Lê Thị	Dung	CLC_19DMA06	4,00	83	6	Giỏi	4	1.996.500	7.986.000	31310001555761
14	1921005561	Nguyễn Thanh Như	Ngọc	CLC_19DMA12	4,00	83	6	Giỏi	4	1.996.500	7.986.000	31310001556339
15	1921005530	Vũ Thị Kiều	Minh	CLC_19DMA08	4,00	82	6	Giỏi	4	1.996.500	7.986.000	31310001556348
16	1921005483	Bùi Ngọc Yến	Linh	CLC_19DMA03	4,00	80	6	Giỏi	4	1.996.500	7.986.000	16954337
17	1921005627	Hà Ngọc Trúc	Quỳnh	CLC_19DMA06	3,70	88	6	Giỏi	4	1.996.500	7.986.000	31310001556144
18	1921005739	Phạm Minh Thy	Trúc	CLC_19DMA01	3,70	88	6	Giỏi	4	1.996.500	7.986.000	73010001507815
19	1921005720	Nguyễn Phan Bảo	Trân	CLC_19DMA06	3,70	87	6	Giỏi	4	1.996.500	7.986.000	1014071585
20	1921005626	Bùi Ngọc Diễm	Quỳnh	CLC_19DMA02	3,70	85	6	Giỏi	4	1.996.500	7.986.000	31310001610095
21	1921005368	Lê Thị Ngọc	Ánh	CLC_19DMA06	3,70	85	6	Giỏi	4	1.996.500	7.986.000	31310001606313
22	1921005648	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	CLC_19DMA02	3,70	83	6	Giỏi	4	1.996.500	7.986.000	31310001291588
23	1921005747	Đoàn Tâm	Từ	CLC_19DMA01	3,70	81	6	Giỏi	4	1.996.500	7.986.000	0081001321663
24	1921005595	Lý Gia	Như	CLC_19DMA03	3,50	97	6	Giỏi	4	1.996.500	7.986.000	31310001266221
25	1921005398	Phan Trí	Dũng	CLC_19DMA07	3,50	96	6	Giỏi	4	1.996.500	7.986.000	31310001237962
26	1921001343	Diệp Võ Anh	Thư	CLC_19DMA01	3,50	94	6	Giỏi	4	1.996.500	7.986.000	8007041163299
27	1921005562	Phạm Thị Bích	Ngọc	CLC_19DMA11	3,50	94	6	Giỏi	4	1.996.500	7.986.000	19035214042011
28	1921005357	Nguyễn Văn Tuấn	Anh	CLC_19DMA09	3,50	94	6	Giỏi	4	1.996.500	7.986.000	18810000179829
29	1921005393	Nguyễn Công	Đức	CLC_19DMA05	3,50	94	6	Giỏi	4	1.996.500	7.986.000	31310001265671
30	1921005520	Nguyễn Hoàng Trúc	Mai	CLC_19DMA01	3,50	94	6	Giỏi	4	1.996.500	7.986.000	0701000451459
	Chỉ tiêu phân bổ: 31 CT; đến CT thứ 31 có 2 SV có cùng KQHT: 3,50 và KQRL: 93, KQHT thang điểm 10: 8,40, chia đều 1CT cho 2SV											
31	1921001348	Dương Tuyết	Ngân	CLC_19DMA01	3,50	93	6	Giỏi	4	998.250	3.993.000	0091000644155
32	1921001369	Tổng Ngọc Hoài	Thương	CLC_19DMA01	3,50	93	6	Giỏi	4	998.250	3.993.000	19035833420010
		Cộng (2):	32								255.552.000	
		Tổng cộng(V):	53	Sinh viên							341.762.000	

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	KQ HT	KQ RL	Số TC	Xếp loại	Số Tháng	Mức học bổng 1 tháng	Thành tiền (đ)	Số Tài khoản
VI	KHOA NGOẠI NGỮ											
	KHÓA: 19D_Chỉ tiêu: 13CT											
1	1921003255	Phùng Lê Gia	Linh	19DTA02	3,70	94	6	Xuất sắc	4	1.110.000	4.440.000	31310001426168
2	1921003313	Phạm Như	Quỳnh	19DTA02	3,70	89	6	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	0431000271745
3	1921000036	Nguyễn Thị Kim	Hợp	19DTA01	3,70	83	6	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	31310001606623
4	1921003370	Huỳnh Ngân	Trúc	19DTA02	3,70	82	6	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	9037041069358
5	1921003202	Lê Minh	Duy	19DTA02	3,50	97	6	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	31310001260083
6	1921000056	Lê Thị Thảo	Nguyễn	19DTA01	3,50	94	6	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	31310001226687
7	1921003306	Trương Hoàng Cẩm	Quy	19DTA03	3,50	94	6	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	31310001607389
8	1921003329	Nguyễn Phương	Thảo	19DTA02	3,50	94	6	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	63210000505404
9	1921003353	Vũ Thị Thủy	Tiên	19DTA03	3,50	94	6	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	31310001387511
10	1921003297	Nguyễn Thị Diễm	Phúc	19DTA02	3,50	92	6	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	4511205076839
11	1921003309	Nguyễn Như	Quỳnh	19DTA03	3,50	91	6	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	19035368203016
	Chỉ tiêu phân bổ: 13 CT; đến CT thứ 12 có 3 SV có cùng KQHT: 3.50 và KQRL: 90, chọn sinh viên có KQHT thang điểm 10 cao nhất: 8,40.											
12	1921003291	Lường Thị	Oanh	19DTA02	3,50	90	6	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	0871004243359
	Chia đều 1CT còn lại cho 2 SV có KQHT thang điểm 10: 8,10											
13	1921003269	Nguyễn Hoàng Phương	Ngân	19DTA03	3,50	90	6	Giỏi	4	508.750	2.035.000	31310001283309
14	1921003322	Trịnh Thị	Thanh	19DTA03	3,50	90	6	Giỏi	4	508.750	2.035.000	31310001607459
		Tổng cộng (VI):		14	Sinh viên						53.280.000	
VII	KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH											
1	CHƯƠNG TRÌNH CHUẨN											
	KHÓA: 19D_Chỉ tiêu: 31CT											
1	1921003807	Lê Thị Trúc	Trinh	19DQT1	3,70	92	6	Xuất sắc	4	1.110.000	4.440.000	0881000481614
2	1921000335	Trần Thị Thu	Hằng	19DQT1	3,70	91	6	Xuất sắc	4	1.110.000	4.440.000	31310001226997
3	1921003824	Nguyễn Ngọc Ánh	Tuyết	19DQT4	3,70	90	6	Xuất sắc	4	1.110.000	4.440.000	31310001284977
4	1921003557	Huỳnh Vũ Mai	Linh	19DQT5	3,70	90	6	Xuất sắc	4	1.110.000	4.440.000	31310001387326
5	1921003424	Trịnh Ngọc Minh	Châu	19DBH2	3,75	82	6	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	0791000067826

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	KQ HT	KQ RL	Số TC	Xếp loại	Số Tháng	Mức học bổng 1 tháng	Thành tiền (đ)	Số Tài khoản
6	1921003458	Nguyễn Thị Hải	Đường	19DQT5	3,70	88	6	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	31310001606243
7	1921003733	Lương Thị Ngọc	Thảo	19DQT1	3,70	87	6	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	31310001556241
8	1921000353	Lê Nguyễn Bảo	Trâm	19DQT1	3,70	86	6	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	31310001386767
9	1921003844	Trần Thị Trường	Vi	19DQT2	3,70	84	6	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	31310001274534
10	1921003762	Võ Nguyễn Anh	Thư	19DBH1	3,70	84	6	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	31310001261387
11	1921003607	Phan Khánh	Ngân	19DBH2	3,70	82	6	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	103870999508
12	1921000235	Nguyễn Phan Hoàng	Phúc	19DQT3	3,70	81	6	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	31310001387104
13	1921000554	Nguyễn Thị Thúy	Mi	19DDA	3,57	89	9	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	31310001624281
14	1921003552	Bùi Thị Kim	Liên	19DQT1	3,50	100	6	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	31310001557411
15	1921003803	Vũ Trọng Cao	Trí	19DQT2	3,50	99	6	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	52110000180936
16	1921003715	Lê Phú	Tân	19DQT2	3,50	97	6	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	9398899898
17	1921000232	Nguyễn Thị Thu	Lan	19DQT3	3,50	94	6	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	0601000548560
18	1921003710	Nguyễn Văn	Tam	19DQT2	3,50	94	6	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	31310001386943
19	1921003763	Cù Minh	Thuận	19DQT3	3,50	94	6	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	31310001556816
20	1921000552	Nguyễn Hoàng	Phước	19DBH1	3,50	93	6	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	070101741166
21	1921003842	Võ Thị Thanh	Vân	19DQT4	3,50	93	6	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	05166648301
22	1921003667	Lê Thị Kim	Phụng	19DBH2	3,50	92	6	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	31310001226696
23	1921000303	Đào Thị Tường	Vi	19DQT5	3,50	91	6	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	1032271075
24	1921000456	Phạm Mỹ	Huyền	19DBH3	3,50	91	6	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	31310001295997
25	1921000490	Nguyễn Thị Kim	Huỳnh	19DBH3	3,50	91	6	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	31310001606207
26	1921003789	Đỗ Thùy	Trang	19DQT1	3,50	91	6	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	04195509201
27	1921000286	Trần Thị Mai	Anh	19DQT3	3,50	89	6	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	7505205167892
28	1921003534	Lê Trường Tấn	Khoa	19DQT4	3,50	89	6	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	04186537701
29	1921003798	Phạm Thị Thu	Trang	19DQT1	3,50	89	6	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	1014923936
30	1921003672	Nguyễn Ngọc Mai	Phương	19DBH2	3,50	88	6	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	4906205074834
	Chỉ tiêu phân bổ: 31 CT; đến CT thứ 31 có 5 SV có cùng KQHT: 3,50 và KQRL: 87, chọn sinh viên có KQHT thang điểm 10 cao nhất: 8,40											
31	1921000211	Trương Thị Cẩm	Ly	19DQT5	3,50	87	6	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	31310001226951

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	KQ HT	KQ RL	Số TC	Xếp loại	Số Tháng	Mức học bổng 1 tháng	Thành tiền (đ)	Số Tài khoản
1	1921002364	Phạm Đăng Minh	Nhật	19DTC1	4,00	99	6	Xuất sắc	4	1.110.000	4.440.000	0401001496961
2	1921004370	Phan Thị Thanh	Hải	19DNH2	4,00	97	6	Xuất sắc	4	1.110.000	4.440.000	106868158145
3	1921004283	Hoàng Ngọc	Anh	19DTC1	4,00	93	6	Xuất sắc	4	1.110.000	4.440.000	31310001376096
4	1921004661	Hồ Thị Thiên	Thảo	19DNH2	3,70	94	6	Xuất sắc	4	1.110.000	4.440.000	060298583839
5	1921004801	Trương Thị Nhật	Vi	19DNH2	3,70	94	6	Xuất sắc	4	1.110.000	4.440.000	57010004019696
6	1921004401	Võ Trung	Hiếu	19DNH1	3,70	93	6	Xuất sắc	4	1.110.000	4.440.000	31310004187774
7	1921004316	Trương Thái	Cầm	19DTC3	3,70	92	6	Xuất sắc	4	1.110.000	4.440.000	31310001606766
8	1921004541	Tô Thị	Ngọc	19DTC3	4,00	85	6	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	31310001287198
9	1921004674	Nguyễn Lê Thanh	Thi	19DNH2	4,00	83	6	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	31310001376193
10	1921004735	Phạm Bảo	Trân	19DTC2	4,00	81	6	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	31310001287888
11	1921004583	Nguyễn Hưng	Phát	19DTC2	3,70	88	6	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	4306205445871
12	1921002384	Nguyễn Mai	Thi	19DNH1	3,70	87	6	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	31310001258945
13	1921002513	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	19DIF	3,70	87	6	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	061879020001
14	1921004367	Trần Thị Cẩm	Giang	19DTC2	3,70	86	6	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	0972864359
15	1921002498	Võ Ngọc Tường	Vân	19DNH1	3,70	84	6	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	31310001607495
16	1921004364	Cao Thanh Kiều	Giang	19DTC1	3,70	82	6	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	0051000558795
17	1921004375	Ngô Thị Như	Hân	19DTC1	3,70	81	6	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	31310001263134
18	1921004295	Phạm Hoàng Trâm	Anh	19DTC3	3,70	80	6	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	31310001286380
19	1921004714	Lê Thị Thanh	Tiền	19DIF	3,55	91	12	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	101877713437
20	1921004707	Nguyễn Thủy	Tiền	19DTC1	3,50	99	6	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	31310001387593
		Cộng (1):		20							83.990.000	
2	CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO											
	KHÓA: CLC_19D_Chỉ tiêu: 17CT											
1	1921006223	Đặng Phú	Hiệp	CLC_19DNH02	4,00	100	6	Xuất sắc	4	2.178.000	8.712.000	949566
2	1921006180	Trần Đức	Chính	CLC_19DNH03	4,00	97	6	Xuất sắc	4	2.178.000	8.712.000	31310001226216
3	1921006369	Trần Thị Thu	Sang	CLC_19DNH03	4,00	94	6	Xuất sắc	4	2.178.000	8.712.000	31310001555831
4	1921006276	Dương Tiểu	Lợi	CLC_19DNH03	4,00	90	6	Xuất sắc	4	2.178.000	8.712.000	32237907

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	KQ HT	KQ RL	Số TC	Xếp loại	Số Tháng	Mức học bổng 1 tháng	Thành tiền (đ)	Số Tài khoản
5	1921006381	Nguyễn Dương Phương Thảo		CLC_19DTC04	3,70	96	6	Xuất sắc	4	2.178.000	8.712.000	12677167
6	1921006838	Nguyễn Hoàng Anh	Thư	CLC_19DTC01	3,70	94	6	Xuất sắc	4	2.178.000	8.712.000	10147427
7	1921006330	Tôn Ý	Nhi	CLC_19DNH01	3,70	93	10	Xuất sắc	4	2.178.000	8.712.000	31310001606605
8	1921004315	Nguyễn Lê	Bình	CLC_19DNH03	4,00	89	6	Giỏi	4	1.996.500	7.986.000	31310001419919
9	1921006195	Dương Thị Mỹ	Duyên	CLC_19DTC02	4,00	89	6	Giỏi	4	1.996.500	7.986.000	31310001606863
10	1921006215	Trần Thị Thanh	Hằng	CLC_19DNH03	4,00	86	6	Giỏi	4	1.996.500	7.986.000	76610000145532
11	1921006404	Nguyễn Phạm Ngọc	Thủy	CLC_19DNH01	4,00	82	6	Giỏi	4	1.996.500	7.986.000	2752201
12	1921006414	Quang Đình Thùy	Trâm	CLC_19DNH03	3,70	83	6	Giỏi	4	1.996.500	7.986.000	31310001606881
13	1921004529	Nguyễn Trọng	Nghĩa	CLC_19DTC04	3,60	80	6	Giỏi	4	1.996.500	7.986.000	26789037
14	1921006261	Nguyễn Hoàng	Lâm	CLC_19DNH01	3,50	100	6	Giỏi	4	1.996.500	7.986.000	31310001254448
15	1921002571	Phạm Phúc	Khang	CLC_19DNH01	3,50	97	9	Giỏi	4	1.996.500	7.986.000	31310001389128
16	1921006252	Cổ Trần Minh	Khôi	CLC_19DTC02	3,50	94	6	Giỏi	4	1.996.500	7.986.000	71110000231796
Chi tiêu phân bổ: 17 CT; đến CT thứ 17 có 2 SV có cùng KQHT: 3,50 và KQRL: 93, chọn sinh viên có KQHT thang điểm 10 cao hơn: 8,10												
17	1921004000	Phạm Quốc	Lương	CLC_19DNH02	3,50	93	6	Giỏi	4	1.996.500	7.986.000	31310001285457
		Cộng (2):	17								140.844.000	
		Tổng cộng(VIII):	37	Sinh viên							224.834.000	
IX	KHOA THẨM ĐỊNH GIÁ - KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN											
1	CHƯƠNG TRÌNH CHUẨN											
	KHÓA: 19D_Ngành: Bất động sản_Chỉ tiêu: 11CT											
1	1921004112	Nguyễn Võ Huyền	Trâm	19DKB01	4,00	100	6	Xuất sắc	4	1.110.000	4.440.000	31310001262177
2	1921004105	Nguyễn Hồ Thu	Thủy	19DKB03	4,00	96	6	Xuất sắc	4	1.110.000	4.440.000	31310001385861
3	1921004025	Nguyễn Thị Bích	Ngân	19DKB01	3,70	99	6	Xuất sắc	4	1.110.000	4.440.000	19034777642025
4	1921003968	Nguyễn Ngô Lập	Hưng	19DKB04	3,70	94	6	Xuất sắc	4	1.110.000	4.440.000	31310001607167
5	1921004011	Đặng Thị Thúy	Mụi	19DKB04	3,70	94	6	Xuất sắc	4	1.110.000	4.440.000	31310001294277
6	1921003919	Nguyễn Hữu	Danh	19DKB02	4,00	81	6	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	31310001385852
7	1921003929	Nguyễn Tấn	Dũng	19DKB01	4,00	81	6	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	19038436666010
8	1921004090	Nguyễn Quốc	Thịnh	19DKB02	3,70	83	6	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	31310001285703

Sst	MSSV	Họ	Tên	Lớp	KQ HT	KQ RL	Số TC	Xếp loại	Số Tháng	Mức học bổng 1 tháng	Thành tiền (đ)	Số Tài khoản
9	1921004109	Nguyễn Minh	Toàn	19DKB01	3,50	93	6	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	31310001385816
10	1921004038	Nguyễn Trọng	Nhân	19DKB01	3,50	92	6	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	31310001226322
11	1921004076	Hoàng Thị Xuân	Thắng	19DKB01	3,50	85	6	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	31310001262140
		Cộng:	11								46.620.000	
	KHÓA: 19D_Ngành: Tài chính - Ngân hàng_Chỉ tiêu: 4CT											
1	1921004440	Lý Ngọc	Khang	19DTD	3,70	99	6	Xuất sắc	4	1.110.000	4.440.000	31310001226623
2	1921004302	Trương Hoàng Minh	Anh	19DTD	3,50	86	6	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	31310001556010
3	1921004459	Trịnh Thị	Liên	19DTD	3,50	84	6	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	106872516608
4	1921002270	Nguyễn Thị Huyền	Trang	19DTD	3,50	83	6	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	31310001556302
		Cộng:	4								16.650.000	
		Tổng cộng(IX):	15	Sinh viên							63.270.000	
X	KHOA THUẾ - HẢI QUAN											
	CHƯƠNG TRÌNH CHUẨN											
	KHÓA: 19D_Chỉ tiêu: 10CT											
1	1921002438	Phạm Hồng Hải	Yến	19DHQ2	3,70	100	6	Xuất sắc	4	1.110.000	4.440.000	63310000502022
2	1921004416	Đoàn Thị	Hương	19DHQ1	3,70	100	6	Xuất sắc	4	1.110.000	4.440.000	31310001274862
3	1921002421	Nguyễn Thị Hồng	Sương	19DHQ1	3,70	97	6	Xuất sắc	4	1.110.000	4.440.000	1015436819
4	1921002390	Đỗ Thành	Đạt	19DTX	3,70	95	6	Xuất sắc	4	1.110.000	4.440.000	31310001606562
5	1921004338	Hoàng Thị Thanh	Diễm	19DHQ1	3,70	94	6	Xuất sắc	4	1.110.000	4.440.000	31310001557013
6	1921004394	Mai Thị	Hiền	19DHQ1	3,70	92	6	Xuất sắc	4	1.110.000	4.440.000	102872336751
7	1921004816	Nguyễn Thị Mộng	Xuân	19DHQ1	3,70	92	6	Xuất sắc	4	1.110.000	4.440.000	31310001555707
8	1921004360	Nguyễn Thị Hồng	Duyên	19DHQ2	3,70	84	6	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	6003205452133
9	1921004442	Trần Ngọc Bảo	Khanh	19DTX	3,70	83	6	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	9037041076260
10	1921004717	Trần Đức	Tín	19DTX	3,70	83	6	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	040081366685
		Tổng cộng(X):	10	Sinh viên							43.290.000	
XI	KHOA THƯƠNG MẠI											
1	CHƯƠNG TRÌNH CHUẨN											

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	KQ HT	KQ RL	Số TC	Xếp loại	Số Tháng	Mức học bổng 1 tháng	Thành tiền (đ)	Số Tài khoản
	KHÓA: 19D_Chỉ tiêu: 22CT											
1	1921002010	Nguyễn Hoàng	Duy	19DTM2	3,70	90	6	Xuất sắc	4	1.110.000	4.440.000	31310001607158
2	1921004238	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	19DTM2	3,70	82	6	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	0601000548140
3	1921001793	Đinh Thanh	Phong	19DLG	3,50	99	8	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	105870544325
4	1921004237	Lê Bảo	Thạch	19DLG	3,50	99	8	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	0921367372
5	1921001706	Trần Thị Ngọc	Ánh	19DTM2	3,50	98	6	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	31310001387973
6	1921001935	Lương Huỳnh Trang	Khánh	19DTM2	3,50	91	9	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	3917231
7	1921002022	Đinh Thị Khánh	Ly	19DTM2	3,50	89	6	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	060282542768
8	1921001779	Trà Thị Hồng	Yến	19DTM1	3,50	87	6	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	31310001387946
9	1921001746	Dư Trung	Hiếu	19DTM2	3,50	86	6	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	0081001318188
10	1921001819	Trần Thị Bích	Trân	19DTM3	3,50	85	9	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	31310001405887
11	1921001693	Nguyễn Thị Minh	Thư	19DTM2	3,50	85	6	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	19036542545017
12	1921004240	Phan Chí	Thanh	19DTM2	3,50	82	6	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	31310001607848
13	1921001664	Nguyễn Thị Gia	Nghi	19DTM2	3,50	80	6	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	7108205395486
14	1921001966	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	19DLG	3,36	82	11	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	69110000463997
15	1921001676	Nguyễn Thanh	Tuấn	19DLG	3,26	100	8	Giỏi	4	1.017.500	4.070.000	64210000565699
16	1921004251	Phạm Thị Huyền	Trang	19DTM2	3,50	79	6	Khá	4	925.000	3.700.000	050094818307
17	1921004185	Lương Thị	Hằng	19DTM3	3,50	77	6	Khá	4	925.000	3.700.000	1012722446
18	1921001919	Lương Lê Nhung	Phân	19DTM2	3,50	73	6	Khá	4	925.000	3.700.000	1026830594
19	1921004170	Nguyễn Thị Thu	Ba	19DTM3	3,50	69	6	Khá	4	925.000	3.700.000	31310001294365
20	1921004182	Nguyễn Văn Tàu	Em	19DLG	3,50	68	8	Khá	4	925.000	3.700.000	0671004154870
21	1921004188	Hồ Thị Thu	Hiền	19DTM2	3,50	68	6	Khá	4	925.000	3.700.000	1030561243
22	1921001591	Thái Thị Xuân	Duyên	19DKQ1	3,50	66	6	Khá	4	925.000	3.700.000	6609205092621
		Cộng (1):		22							87.320.000	
2	CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO											
	KHÓA: CLC_19D_Chỉ tiêu: 22CT											
1	1921001673	Nguyễn Ngọc Anh	Thơ	CLC_19DTM08	3,70	94	6	Xuất sắc	4	2.178.000	8.712.000	31310001281622

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	KQ HT	KQ RL	Số TC	Xếp loại	Số Tháng	Mức học bổng 1 tháng	Thành tiền (đ)	Số Tài khoản
2	1921002155	Huỳnh Lê Khánh	Giang	CLC_19DTM01	3,70	94	6	Xuất sắc	4	2.178.000	8.712.000	31310001606711
3	1921004254	Nguyễn Lê	Trình	CLC_19DTM08	3,70	94	6	Xuất sắc	4	2.178.000	8.712.000	31310001286265
4	1921005839	Nguyễn Thị Nhật	An	CLC_19DTM03	3,60	97	6	Xuất sắc	4	2.178.000	8.712.000	31310001556685
5	1921006014	Hà Trần Mai	Phương	CLC_19DTM08	3,70	84	6	Giỏi	4	1.996.500	7.986.000	2020118214003
6	1921005944	Trần Gia	Linh	CLC_19DTM02	3,50	98	6	Giỏi	4	1.996.500	7.986.000	31310001389340
7	1921006110	Phạm Ngọc Phương	Tuyền	CLC_19DTM03	3,50	97	6	Giỏi	4	1.996.500	7.986.000	31310001269910
8	1921002089	Nguyễn Lê Lam	Tuyền	CLC_19DTM01	3,50	94	6	Giỏi	4	1.996.500	7.986.000	31310001240702
9	1921005952	Trần Thị Hà	Mai	CLC_19DTM08	3,50	94	6	Giỏi	4	1.996.500	7.986.000	19034694490010
10	1921006066	Phạm Thanh	Thúy	CLC_19DTM04	3,50	94	6	Giỏi	4	1.996.500	7.986.000	0571000057090
11	1921002190	Phạm Thúy	Duy	CLC_19DTM01	3,50	93	6	Giỏi	4	1.996.500	7.986.000	107867215600
12	1921005910	Nguyễn Duy	Hưng	CLC_19DTM09	3,50	93	6	Giỏi	4	1.996.500	7.986.000	31310001612480
13	1921005884	Nguyễn Thị Thùy	Dung	CLC_19DTM07	3,50	91	6	Giỏi	4	1.996.500	7.986.000	0071001338571
14	1921006098	Bùi Ngọc Vân	Trúc	CLC_19DTM03	3,50	91	6	Giỏi	4	1.996.500	7.986.000	31310001389429
15	1921003605	Nguyễn Thị Tuyết	Ngân	CLC_19DTM08	3,50	85	6	Giỏi	4	1.996.500	7.986.000	6909205123648
16	1921006046	Trần Nguyễn Thanh	Thảo	CLC_19DTM06	3,50	85	6	Giỏi	4	1.996.500	7.986.000	31310001606906
17	1921006129	Nguyễn Thị Thanh	Vy	CLC_19DTM02	3,50	76	6	Khá	4	1.815.000	7.260.000	9399475483
18	1921005845	Hồ Trâm	Anh	CLC_19DTM02	3,50	73	6	Khá	4	1.815.000	7.260.000	31310001389401
19	1921005854	Nguyễn Ngọc Lan	Anh	CLC_19DTM04	3,50	72	6	Khá	4	1.815.000	7.260.000	31310001606544
20	1921004201	Phạm Nguyên	Khang	CLC_19DTM08	3,50	71	6	Khá	4	1.815.000	7.260.000	31310001606155
21	1921004209	Trần Thị Trà	Mi	CLC_19DTM08	3,50	70	6	Khá	4	1.815.000	7.260.000	39701901
22	1921002110	Mai Hồng	Hân	CLC_19DTM01	3,50	69	6	Khá	4	1.815.000	7.260.000	30865397
		Cộng (2):	22								174.240.000	
		Tổng cộng(XI):	44	Sinh viên							261.560.000	
XII	VIỆN ĐÀO TẠO QUỐC TẾ_CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO TIẾNG ANH TOÀN PHẦN											
	KHÓA: 19D											
	KHÓA: 19D_Chuyên ngành: Kinh doanh quốc tế_Chỉ tiêu: 1CT											
1	1921002243	Hoàng Thu	Ngân	IP_19DKQ	3,70	81	6	Giỏi	4	3.025.000	12.100.000	31310001557484

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	KQ HT	KQ RL	Số TC	Xếp loại	Số Tháng	Mức học bổng 1 tháng	Thành tiền (đ)	Số Tài khoản
		Cộng:	1								12.100.000	
	KHÓA: 19D_Chuyên ngành: Marketing_Chỉ tiêu: 1CT											
1	1921005816	Nguyễn Thái	Hải	IP_19DMA	3,50	91	6	Giỏi	4	3.025.000	12.100.000	31310001292138
		Cộng:	1								12.100.000	
	KHÓA: 19D_Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh_Chỉ tiêu: 1CT											
1	1921005322	Nguyễn Thành	Thắng	IP_19DQT	3,50	92	6	Giỏi	4	3.025.000	12.100.000	31310001606599
		Cộng:	1								12.100.000	
		Tổng cộng(XII):	3	Sinh viên							36.300.000	
		Tổng cộng:	309	Sinh viên							1.731.678.000	

Một tỷ bảy trăm ba mươi một triệu sáu trăm bảy mươi tám ngàn đồng./.

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG CTSV

TRƯỞNG PHÒNG KHTC



HIỆU TRƯỞNG

Thái T. Lan Anh

ThS. Nguyễn Thanh Hải

TS. Hoàng Thái Hưng

PGS. TS. Phạm Tiến Đạt